

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2019/DS-ST

Ngày 30/9/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Trung.

2. Ông Nguyễn Ngọc Khương.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2019/TLST-DS ngày 04/3/2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXX-ST ngày 26/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2019/QĐXX-DS ngày 16/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1968; Địa chỉ: số nhà 30, thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Bà Đoàn Thị Diệu L, sinh năm 1972 và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972; Địa chỉ: 336 đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày có nội dung như sau:

Trên mối quan hệ quen biết nên vào ngày 03/6/2018 vợ chồng bà L, ông C có ký giấy vay tiền của bà N với số tiền 810.000.000 đồng; đến ngày 6/6/2018 đã trả được 600.000.000 đồng còn nợ lại 210.000.000 đồng; đến ngày 20/6/2018 trả thêm được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 110.000.000 đồng. Khi vay không thể chấp tài sản giấy tờ gì, lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng. Số tiền còn nợ lại 110.000.000 đồng mặc dù bà N đòi rất nhiều lần nhưng không trả. Do đó, nay bà N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà L, ông C trả cho bà N số tiền còn nợ là

110.000.000 đồng, về lãi suất bà N không yêu cầu. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai bị đơn bà Đoàn Thị Diệu L trình có nội dung như sau:

Trên mối quan hệ quen biết nên vào ngày 03/6/2018 vợ chồng bà L, ông C có ký giấy vay tiền của bà N với số tiền 810.000.000 đồng; đến ngày 6/6/2018 đã trả được 600.000.000 đồng còn nợ lại 210.000.000 đồng; đến ngày 20/6/2018 trả thêm được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 110.000.000 đồng. Khi vay không thể chấp tài sản giấy tờ gì, lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng. Nay bà N khởi kiện xác định còn nợ bà N số tiền còn nợ lại 110.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà N theo phương thức trả dần. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Văn C trình có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Văn C và bà Đoàn Thị Diệu L là vợ chồng, trong quá trình sinh sống vợ chồng ông C có ký giấy vay tiền đề ngày 03/6/2018 của bà N, khoản nợ này ông C đã đưa tiền cho vợ bà L đi trả nhưng không biết có trả không.

Nay bà N khởi kiện ông C xác định vợ chồng ông còn nợ 110.000.000 đồng. Nay điều kiện kinh tế khó khăn không có tiền mặt để trả nên nay đồng ý trả cho bà N số tiền 110.000.000 đồng theo trình tự trả dần. Ngoài ra ông C không có ý kiến nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng.

- Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N buộc bị đơn bà Đoàn Thị Diệu L và ông Nguyễn Văn C liên đới trả số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi bà N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đoàn Thị Diệu L và ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà L, ông C.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 03/6/2018 vợ chồng bà L, ông C có ký giấy vay tiền của bà N với số tiền 810.000.000 đồng; đến ngày 6/6/2018 đã trả được 600.000.000 đồng còn nợ lại 210.000.000 đồng; đến ngày 20/6/2018 trả thêm được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 110.000.000 đồng, khi vay các bên không thế chấp tài sản giấy tờ gì. Do đó, nay nguyên đơn bà N khởi kiện buộc bị đơn bà L, ông C trả số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, cần buộc bị đơn ông C và bà L có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng.

Tuy nhiên, ông C và bà L trước kia là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo bản án số: 108/2019/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Do đó, cần buộc bị đơn bà L, ông C có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng, được chia theo phần cụ thể ông C trả 55.000.000 đồng, bà L trả 55.000.000 đồng.

Về lãi suất nguyên đơn bà N không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Đối với ý kiến bị đơn đều xác định còn nợ nguyên đơn số tiền 110.000.000 đồng, nhưng hiện kinh tế gia đình khó khăn nên xin trả dần số tiền trên, điều này nguyên đơn không chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà L, ông C mỗi người phải chịu 2.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 2.750.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/ 0011888 ngày 21/02/2019.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N.

Buộc bị đơn bà Đoàn Thị Diệu L và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười

triệu đồng); được chia theo phần cụ thể ông Nguyễn Văn C trả 55.000.000 đồng, bà Đoàn Thị Diệu L trả 55.000.000 đồng.

Về lãi suất nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn bà Đoàn Thị Diệu L và ông Nguyễn Văn C mỗi người phải chịu 2.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích N số tiền 2.750.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/ 0011888 ngày 21/02/2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Đình Thanh

